

**BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK**

**Kính gửi: - Hội đồng quản trị;
 - Tổng giám đốc.**

Căn cứ Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán (Thông tư 210);

Căn cứ Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Căn cứ Biên bản Thẩm định Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank.

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Cơ sở thẩm định

- Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 gồm:
 - + Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 (mẫu B01-CTCK);
 - + Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 (mẫu B02-CTCK)
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 (mẫu B03-CTCK);
 - + Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 (mẫu B04-CTCK);
 - + Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 (mẫu B09-CTCK).
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc công bố Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024.
- Một số tài liệu, số liệu kế toán khác.

II. Nội dung và kết quả thẩm định

1. Nội dung đã thực hiện

- Rà soát việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Xem xét các chính sách và phương pháp kế toán đảm bảo nhất quán trong việc áp dụng.

- Xem xét việc áp dụng các chuẩn mực kế toán đã được giải thích rõ ràng, đảm bảo số liệu trên sổ kế toán chi tiết và thuyết minh báo cáo tài chính, cho thấy các chỉ tiêu được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

- Các đánh giá cũng như các khoản ước tính dự thu, dự chi, trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp, trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trình bày là hợp lý và thận trọng.

- Thực hiện rà soát, đối chiếu chọn mẫu một số chỉ tiêu được trình bày tại báo cáo tài chính đảm bảo khớp đúng với sổ kế toán.

2. Kết quả thẩm định

Việc lập báo cáo tài chính đảm bảo tuân thủ quy định của chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và chuẩn mực kế toán về trình bày báo cáo tài chính năm của Công ty.

a) Báo cáo tình hình tài chính năm 2024 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số trên báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.244.798.533.495	3.244.798.533.495	0
I	Tài sản tài chính	3.233.691.766.335	3.233.691.766.335	0
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	453.905.187.634	453.905.187.634	0
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	417.076.875.998	417.076.875.998	0
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	326.149.262.444	326.149.262.444	0
4	Các khoản cho vay	1.694.267.594.249	1.694.267.594.249	0
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	347.042.134.800	347.042.134.800	0
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(45.452.660.064)	(45.452.660.064)	
7	Các khoản phải thu	620.560.009.903	620.560.009.903	0
a	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận, các khoản đầu tư đáo hạn	599.000.000.000	599.000.000.000	(*)
b	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	21.560.009.903	21.560.009.903	0
8	Trả trước cho người bán	7.238.861.600	7.238.861.600	0
9	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	486.824.754.839	486.824.754.839	(**)
10	Phải thu nội bộ	1.725.126.679	1.725.126.679	0
11	Các khoản phải thu khác	3.346.376.952	3.346.376.952	0
12	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.078.991.758.699)	(1.078.991.758.699)	(***)
II	Tài sản ngắn hạn khác	11.106.767.160	11.106.767.160	0

TT	Chỉ tiêu	Số trên báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
1	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	1.598.806.000	1.598.806.000	0
2	Chi phí trả trước ngắn hạn	8.890.851.421	8.890.851.421	0
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	617.109.739	617.109.739	0
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	227.428.574.044	227.428.574.044	0
I	Tài sản tài chính dài hạn	5.148.635.000	5.148.635.000	0
1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.148.635.000	5.148.635.000	0
II	Tài sản cố định	193.133.468.854	193.133.468.854	0
1	Tài sản hữu hình	173.721.279.157	173.721.279.157	0
a	Nguyên giá	226.521.254.660	226.521.254.660	0
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(52.799.975.503)	(52.799.975.503)	0
2	Tài sản cố định vô hình	19.412.189.697	19.412.189.697	0
a	Nguyên giá	51.156.934.220	51.156.934.220	0
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(31.744.744.523)	(31.744.744.523)	0
IV	Chi phí xây dựng dở dang	3.856.791.670	3.856.791.670	0
V	Tài sản dài hạn khác	25.289.678.520	25.289.678.520	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	73.000.000	73.000.000	0
2	Chi phí trả trước dài hạn	5.216.678.520	5.216.678.520	0
3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.472.227.107.539	3.472.227.107.539	0
C	NỢ PHẢI TRẢ	1.029.539.399.155	1.029.539.399.155	0
I	Nợ phải trả ngắn hạn	1.026.137.287.601	1.026.137.287.601	0
1	Vay ngắn hạn	882.600.000.000	882.600.000.000	0
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	191.440.257	191.440.257	0
3	Phải trả người bán ngắn hạn	12.034.520.601	12.034.520.601	0
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	749.500.000	749.500.000	0
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	63.438.807.348	63.438.807.348	0
6	Phải trả người lao động	20.959.712.260	20.959.712.260	0
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	10.261.850	10.261.850	0
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.485.177.646	2.485.177.646	0
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6.270.136.107	6.270.136.107	0
10	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.829.859	10.829.859	0
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	589.740.640	589.740.640	0
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.797.161.033	36.797.161.033	0
II	Nợ phải trả dài hạn	3.402.111.554	3.402.111.554	0
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.201.076.114	2.201.076.114	0
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.201.035.440	1.201.035.440	0

TT	Chỉ tiêu	Số trên báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.442.687.708.384	2.442.687.708.384	0
I	Vốn chủ sở hữu	2.442.687.708.384	2.442.687.708.384	0
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.158.227.990.169	2.158.227.990.169	0
a	Vốn góp của chủ sở hữu	2.153.913.090.000	2.153.913.090.000	0
b	Thặng dư vốn cổ phần	4.315.527.032	4.315.527.032	0
c	Cổ phiếu quỹ	(626.863)	(626.863)	0
2	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	4.804.141.760	4.804.141.760	0
4	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.208.664.749	35.208.664.749	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	244.446.911.706	244.446.911.706	0
a	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	241.794.971.582	241.794.971.582	0
b	Lợi nhuận chưa thực hiện	2.651.940.124	2.651.940.124	0
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.472.227.107.539	3.472.227.107.539	

(*) Chỉ tiêu phải thu cổ tức, tiền gốc lãi đến ngày nhận số tiền 599.000 triệu đồng là khoản phải thu đối với khoản đầu tư trái phiếu đã đáo hạn trong năm 2017 của Tổng công ty Tàu thủy Việt Nam, được đánh giá là không có khả năng thu hồi và đã được Công ty trích dự phòng 100%.

(**) Chỉ tiêu phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp số tiền 486.825 triệu đồng, trong đó có các khoản cam kết mua và bán lại chứng khoán phát sinh trước ngày có hiệu lực của Thông tư số 210/2012/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của công ty chứng khoán (479.155 triệu đồng), Công ty đã trích dự phòng 100% sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm với các khoản phải thu này.

(***) Chỉ tiêu dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu 1.078.992 triệu đồng là dự phòng đối với các khoản Cam kết mua và bán lại chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết; phải thu nhà đầu tư do thâu chi tài khoản; khoản đầu tư trái phiếu của Tổng Công ty Tàu thủy Việt Nam; nợ phải thu khó đòi khác.

b) Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính

- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): 417.077 triệu đồng, trong đó:

+ Cổ phiếu niêm yết: 52.814 triệu đồng.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết: 17.237 triệu đồng (bao gồm Tổng Công ty CP Sông Hồng: 860 triệu đồng, Công ty CP thủy sản Sóc Trăng: 11.518 triệu đồng, Công ty CP lọc hóa dầu Bình Sơn 4.164 triệu đồng, các cổ phiếu khác 695 triệu đồng).

+ Trái phiếu chính phủ: 245.413 triệu đồng.

+ Chứng chỉ tiền gửi: 101.613 triệu đồng.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): 331.298 triệu đồng, là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ

4,8%/năm (31/12/2023: từ 3,85% đến 6,7%/năm); chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 6 tháng đến 24 tháng, hưởng lãi suất từ 5,9%/năm đến 10,79%/năm và trái phiếu niêm yết dài hạn là trái phiếu Agribank phát hành có lãi suất 5,68%/năm.

- Các khoản cho vay: 1.694.268 triệu đồng, trong đó:
 - + Cho khách hàng vay giao dịch ký quỹ: 1.594.573 triệu đồng.
 - + Ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu: 72.888 triệu đồng.
 - + Ứng trước tiền bán chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán: 26.807 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán (AFS): 347.042 triệu đồng, trong đó:
 - + Cổ phiếu niêm yết (GMD): 19.383 triệu đồng.
 - + Cổ phiếu chưa niêm yết (Công ty CP ĐT và KD tài sản Việt Nam): 25.000 triệu đồng.
 - + Chứng chỉ tiền gửi: 302.659 triệu đồng
- Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp là 45.453 triệu đồng, trong đó dự phòng suy giảm các khoản đầu tư sẵn sàng để bán 25.000 triệu đồng, dự phòng suy giảm giá trị cho vay ký quỹ 20.453 triệu đồng.
- Tài sản cố định: 193.133 triệu đồng, gồm Tài sản cố định hữu hình 173.721 triệu đồng (trong đó: nhà cửa, vật kiến trúc 132.364 triệu đồng); Tài sản cố định vô hình 19.412 triệu đồng.
- Vay ngắn hạn: 882.600 triệu đồng, là các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại có thời gian đáo hạn dưới 1 năm được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi với lãi suất vay từ 4,4% đến 4,8%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Công ty.
- Các khoản phải trả dài hạn: 3.402 triệu đồng, là khoản doanh thu phí đại lý đăng ký trái phiếu Agribank đã trả cho đợt phát hành trái phiếu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động theo thời hạn trái phiếu 2.201 triệu đồng; Thuế thu nhập hoãn lại phải trả 1.201 triệu đồng.

c) Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31/12/2024:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số trên báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
1. Doanh thu hoạt động	412.896.892.995	412.896.892.995	0
2. Chi phí hoạt động	(111.969.477.327)	(111.969.477.327)	0
3. Doanh thu hoạt động tài chính	1.172.342.203	1.172.342.203	0
4. Chi phí tài chính	(34.158.643.634)	(34.158.643.634)	0
5. Chi phí quản lý	(99.084.020.804)	(99.084.020.804)	0
6. Kết quả hoạt động	168.857.093.433	168.857.093.433	0

Chỉ tiêu	Số trên báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
7. Kết quả hoạt động khác	(313.310.825)	(313.310.825)	0
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	168.543.782.608	168.543.782.608	0
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(33.391.716.676)	(33.391.716.676)	0
10. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	135.152.065.932	135.152.065.932	0

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 kết thúc tại ngày 31/12/2024: Tổng Doanh thu là 414.162 triệu đồng, tổng Chi phí là 245.618 triệu đồng, Lợi nhuận kế toán trước thuế 168.544 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 135.152 triệu đồng.

Theo số liệu của các báo cáo tài chính và số liệu thẩm định được trình bày trên, Ban Kiểm soát nhận thấy không có phát sinh chênh lệch giữa số liệu báo cáo và số liệu đã thẩm định.

3. Kiến nghị

Công ty tăng cường hoạt động xử lý nợ tồn đọng, rà soát, đánh giá cụ thể thực trạng từng khoản phải thu, định kỳ đối chiếu xác nhận công nợ với khách hàng, đơn đốc thu hồi, có phương án xử lý và có kế hoạch thu hồi nợ đối với các khoản phải thu khó đòi.

4. Kết luận

Ban Kiểm soát thống nhất ý kiến với Công ty TNHH KPMG Việt Nam về việc lập Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024.

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc;
- Agribank (Qua Ban Đầu tư – để báo cáo)
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Hương Giang